TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2026
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Dư Ngọc Tuốl
Bà Nguyễn Kim Thoại
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.
Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 810/2026/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:
-*Nguyên đơn*: Chị Trương Đoàn Trúc L - Sinh năm: 2004 (Có mặt)
Địa chỉ: Số G, ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.
-*Bị đơn*: Anh Danh Hoàng P - Sinh năm: 2003 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trương Đoàn Trúc L trình bày:
Chị L và anh P tự tìm hiểu nhau khoảng gần 06 tháng, được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2022. Đến 2023, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn C, huyện P, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng hạnh phúc gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm kinh tế gia đình, cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh P.
Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh P có 01 con chung tên Danh Phúc Đ - sinh ngày: 14/4/2023. Hiện con đang chung sống với chị L, chị L yêu cầu

được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con do chị đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Trường hợp anh P muốn cấp dưỡng cho con thì chị L sẽ tự thỏa thuận với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn - anh Danh Hoàng P trình bày:

Anh P đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh P đồng ý giao cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Đoàn Trúc L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Danh Hoàng P. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, được triệu tập đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng anh P có bản tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của anh P không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Trương Đoàn Trúc L và anh Danh Hoàng P cưới nhau năm 2022. Đến năm 2023, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thị trấn C, huyện P, thành phố Cần Thơ chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng đồng ý ly hôn và không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh P ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Trương Đoàn Trúc L được ly hôn với anh Danh Hoàng P.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị L, anh P và giấy khai sinh thì có cơ sở xác định chị L và anh P có 01 con chung tên Danh Phúc Đ - sinh ngày: 14/4/2023. Hiện cháu Đ đang chung sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P đồng ý giao con chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử giải quyết.

Anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 305412 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Đoàn Trúc L được ly hôn với anh Danh Hoàng P.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Phúc Đ - sinh ngày: 14/4/2023 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 305412 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày tuyên án (ngày 12/6/2026). Anh P được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thúy An